

Bản án số: 43/2022/HS-PT

Ngày: 09-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương

Các Thẩm phán: Ông Dương Ngọc Thành

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Dương Phát - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Ông Lê Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 123/2021/TLPT-HS ngày 24 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Trần Phạm T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2021/HS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Bị cáo kháng cáo: **Trần Phạm T**, sinh ngày 27/02/2002. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: D13A/51 Ấp 4, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H1, sinh năm 1977 và bà Phạm Thị C1, sinh năm 1977; có chồng tên là Võ Thành Đ, sinh năm 1999 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 29/7/2020 bị Công an huyện C2, tỉnh Long An ra Quyết định số 188/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã nộp phạt ngày 04/8/2020; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2020 đến ngày 25/11/2020 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Ngoài ra, còn có bị cáo khác là Lê Huỳnh K không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị không triệu tập.

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Nguyễn Thanh B1, sinh năm 2000; cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện C, tỉnh Long An.

- Anh Nguyễn Hoàng L1, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Ấp T3, xã P1, huyện C, tỉnh Long An; hiện cư trú tại: Ấp P2, xã L2, huyện C, tỉnh Long An.

- Anh Võ Minh H2, sinh năm 1997; cư trú tại: Ấp M, xã M1, huyện C2, tỉnh Long An.

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp L3, xã L2, huyện C, tỉnh Long An.

- Bà Thái Kim D, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp P2, xã L2, huyện C, tỉnh Long An.

Người chứng kiến:

- Anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1983

- Anh Nguyễn Văn L4, sinh năm 2002

Cùng cư trú tại: Ấp N1, xã T2, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 18/11/2020 Công an xã T2, huyện C, tỉnh Long An tiến hành kiểm tra hành chính nhà của bà Thái Kim D thuộc ấp T1, xã T2, huyện C, tỉnh Long An, lúc này trong nhà có 06 người gồm: Lê Huỳnh K, Trần Phạm T, Võ Minh H2, Nguyễn Hoàng L1, Huỳnh Ngọc T4 và Nguyễn Thanh B1 (B1 là con của bà Thái Kim D). Qua kiểm tra, Công an xã T2 phát hiện tại vị trí K nằm ngủ có 01 túi nylon có rãnh khế, viên đỏ chứa tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy và 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy nên tiến hành lập biên bản vụ việc và phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tạm giữ, niêm phong chất nghi là ma túy và gửi đi giám định.

Tại Kết luận giám định số: 1108/2020/KLGD ngày 23 tháng 11 năm 2020, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận:

Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nylon có rãnh khế viên đỏ, được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,1331 gam, loại Methamphetamine.

Hoàn lại đối tượng giám định: Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng: 0,0488 gam, được đóng gói niêm phong số 1108.

Quá trình điều tra, Lê Huỳnh K và Trần Phạm T khai nhận: Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 07 giờ ngày 18/11/2020, K gọi điện cho ông Nguyễn Văn N hỏi mua 200.000 đồng ma túy, ông N đồng ý. Đến khoảng 07 giờ 50 phút cùng ngày, K đưa Trần Phạm T số tiền 200.000 đồng và kêu T đi ra đầu đường lấy gói ma túy, T đồng ý. Sau đó, T lấy gói ma túy đựng trong túi nylon có rãnh khế, viên đỏ đưa cho K. Đến 08 giờ cùng ngày, Công an xã T2

tiến hành kiểm tra hành chính phát hiện và lập biên bản tạm giữ. Tuy nhiên, qua làm việc Nguyễn Văn N không thừa nhận việc bán ma túy cho K, việc K mua ma túy của ai thì ông N hoàn toàn không biết.

Ngoài số ma túy đã tạm giữ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C còn tạm giữ: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, loại 105, màu đen, sim số 0789558018.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2021/HS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An đã xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Huỳnh K, Trần Phạm T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Huỳnh K 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 19/11/2020.

Căn cứ vào Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Huỳnh K 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/10/2021) để đảm bảo cho việc thi hành án.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 3; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Phạm T 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/11/2020 đến ngày 25/11/2020.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021, bị cáo Trần Phạm T có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm về việc xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Trần Phạm T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng, không oan. Do bị cáo còn đang nuôi con còn nhỏ, nên bị cáo kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Trần Phạm T kháng cáo trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ

sở kết luận hành vi của các bị cáo Trần Phạm T và Lê Huỳnh K có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, nên cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo về tội danh và điều luật trên là đúng, không oan. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo Trần Phạm T phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo Thảo thành khẩn khai báo, bị cáo đang nuôi con nhỏ, có bà ngoại được tặng Huy chương vì sức khỏe nhân dân là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và tuyên phạt bị cáo 01 năm tù. Bị cáo Trần Phạm T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy: Đối với mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra và cũng là mức khởi điểm của khung hình phạt. Bị cáo kháng cáo nhưng không bổ sung tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã áp dụng. Ngoài ra, bị cáo có tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo không biết ăn năn hối cải mà vẫn tiếp tục phạm tội. Do đó, bị cáo kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2021/HS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị cáo Trần Phạm T kháng cáo trong thời hạn Bộ luật Tố tụng hình sự quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bị cáo Trần Phạm T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước phiên tòa phúc thẩm, thể hiện: Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 07 giờ ngày 18/11/2020 khi đang ở nhà của bà Thái Kim D tại ấp T1, xã T2, huyện C, tỉnh Long An, Lê Huỳnh K gọi điện hỏi mua 200.000 đồng ma túy rồi K đưa tiền cho Trần Phạm T và kêu T đi lấy ma túy. Sau đó, T gặp người bán ma túy lấy gói ma túy đựng trong túi nylon có rãnh khẹp, viền đỏ, có khối lượng 0,1331 gam, loại Methamphetamine và trả cho người bán 200.000 đồng rồi đem vô phòng đưa cho K cất giấu để dành cùng sử dụng. Đến 08 giờ cùng ngày, Công an xã T2, huyện C tiến hành kiểm tra hành chính phát hiện và lập biên bản tạm giữ số ma túy nêu trên. Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo Lê Huỳnh K, Trần Phạm T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị

cáo Trần Phạm T, Lê Huỳnh K về tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Phạm T: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra xét xử bị cáo có thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, bị cáo có bà ngoại được tặng Huy chương vì sức khỏe nhân dân, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù. Bị cáo kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Ngoài ra, bị cáo có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo không biết ăn năn hối cải, sửa chữa bản thân mà vẫn tiếp tục có hành vi phạm tội. Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cũng là mức khởi điểm của khung hình phạt. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã áp dụng. Vì vậy, bị cáo kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, cần giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2021/HS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An về hình phạt đối với bị cáo Trần Phạm T như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Trần Phạm T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Phạm T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2021/HS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An về hình phạt đối với bị cáo Trần Phạm T.

Tuyên bố bị cáo Trần Phạm T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Phạm T 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/11/2020 đến ngày 25/11/2020.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Phạm T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01b);
- VKSNDCC tại TPHCM (01b);
- VKSND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- TAND huyện (02b);
- VKSND huyện (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (01b);
- Người TGTТ khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Phụng